TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 – LẠNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 11-8-2026
V/v Tranh chấp Ly hôn,
nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Mỹ Phước

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Thanh Thịnh

Ông Lê Hữu Tuấn

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trương Thị Hợi – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 169/2026/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2026 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Triệu Thị Th, sinh năm 1980; Nơi đăng ký thường trú: thôn Kh, nay là thôn Th, xã V, tỉnh L. Chỗ ở hiện nay: Thôn 1, xã I, tỉnh Q. Căn cước công dân số: 019180……., ngày cấp: …/…/2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ công an. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1966. Địa chỉ: thôn Kh, nay là thôn Th, xã V, tỉnh L. Căn cước số: 020066…….. ngày cấp: …/…..2026, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội – Bộ công an. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 07/5/2026 và lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Bà Triệu Thị Th trình bày:

Bà Triệu Thị Th và ông Trần Văn Đ có quen biết, được tìm hiểu tự

nguyện kết hôn từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh L cũ, nay là Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh L. Sau khi tổ chức lễ cưới xong vợ chồng sống chung tại Khôn B, xã V, thời gian đầu tình cảm bình thường. Đến năm 2024 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Trần Văn Đ không tu chí làm ăn, thường xuyên rượu chè, ghen tuông vô cớ, chửi mắng, đánh đuổi bà. Đầu năm 2025 ông Trần Văn Đ lấy súng về đe dọa bà, Công an xã Vũ Lễ đến làm việc và tịch thu súng. Đến tháng 8/2025 bà và con gái đi vào Miền Nam sinh sống tại Thôn 1, xã I, tỉnh Q và vợ chồng ly thân cho đến nay, không quan tâm đến nhau nữa. Nay bà xác định ình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông Trần Văn Đ

Về con chung: Có 01 người con chung tên là Trần Minh Ph, sinh ngày 29/12/2012. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành. Không yêu cầu ông Trần Văn Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn ông Trần Văn Đ trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 17/7/2026:

Về hôn nhân: Ông kết hôn với Bà Triệu Thị Th từ năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh L, nay là Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh L. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn Kh, nay là thôn Th, xã V, tỉnh L tình cảm vợ chồng bình thường. Trong cuộc sống thỉnh thoảng vợ chồng có cãi vã, đến tháng 11/2025 Bà Triệu Thị Th đưa con gái vào Miền Nam sinh sống, không nói cho ông biết, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau nữa. Nay xác định vợ chồng không còn tình cảm, Bà Triệu Thị Th xin ly hôn ông cũng đồng ý.

Về con chung: Có 01 người con chung tên là Trần Minh Ph, sinh ngày 29/12/2012. Khi ly hôn ông để cho Bà Triệu Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Tại biên bản lời khai ngày 18/6/2026 cháu Trần Minh Ph là con chung của Bà Triệu Thị Thvà ôngTrần Văn Đ cho biết trong thời gian qua bố cháu là ông Trần Văn Đ thường hay chửi mắng mẹ, do đó mẹ đã đưa cháu vào sinh sống tại xã I, tỉnh Q, được mẹ chăm sóc, nuôi dưỡng, đảm bảo điều kiện sinh sống, học tập đầy đủ, không bị ngược đãi. Khi bố, mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng ở với mẹ.

Về việc Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử vụ án: Bà Triệu Thị Th và ông Trần Văn Đ đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại Công văn số 926/UBND-VP ngày 16/6/2026, của Ủy ban nhân dân xã V, tỉnh L cung cấp thông tin xác minh tình trạng hôn nhân: Bà Triệu Thị Th và ông Trần Văn Đ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh L, nay là xã V, tỉnh Ltừ năm 2012. Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống với nhau tại thôn Khôn B, xã V, tỉnh L. Trong quá trình chung sống Bà Triệu Thị Th và ông Trần Văn Đ có 01 người con chung là Trần Minh Ph, sinh ngày 29/12/2012,

hiện đang sinh sống cùng mẹ là Triệu Thị Thtại Thôn 1, xã I, tỉnh Q. Hiện nay bà Triệu Thi Th đi làm thuê cho cơ sở sản xuất bánh đa tại Thôn 1, xã I, tỉnh Q, mức thu nhập khoảng 9.000.000 đồng/1 tháng. Ông Trần Văn Đ làm nông tại địa phương, mức thu nhập không ổn định. Mức chi phí tối thiểu để chăm sóc, nuôi dưỡng, học tập đối với 01 trẻ em ở độ tuổi của cháu Trần Minh Ph khoảng 4.000.000đ/1 tháng.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ. Do Bà Triệu Thị Th và ông Trần Văn Đ có đơn xin giải quyết vắng mặt, do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tiến hành tố tụng thu thập tài liệu chứng cứ và tống đạt các văn bản, quyết định đúng trình tự thủ tục tố tụng. Quá trình tiến hành tố tụng tại phiên tòa của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Bà Triệu Thị Th, xử cho Bà Triệu Thị Th được ly hôn ông Trần Văn Đ

Về con chung, giao cháu Trần Minh Ph cho Bà Triệu Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi, ông Trần Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản. Không xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung do đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí, Triệu Thị Thphải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Quá trình kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, bị đơn cư trú tại xã Vũ Lễ, tỉnh L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Lạng Sơn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự

[3] Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt cả nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân, xét thấy Bà Triệu Thị Th và ông Trần Văn Đ có quen biết, được tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn năm 2012 tại Uỷ ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh L (nay là xã V, tỉnh L) là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ việc ông Trần Văn Đ thường uống rượu say, gây gổ, chửi mắng, đánh đuổi Bà Triệu Thị Th. Do không chịu đựng được nên Bà Triệu Thị Th đã đưa con đi sinh sống tại Thôn 1, xã I, tỉnh Q từ năm 2025, vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Do đó, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa Bà Triệu Thị Th và ông Trần Văn Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Bà Triệu Thị Th.

[5] Về con chung: Bà Triệu Thị Th và ông Trần Văn Đ có 01 người con chung là Trần Minh Ph, sinh ngày 29/12/2012. Hiện nay do Bà Triệu Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, đảm bảo điều kiện học hành và điều kiện sinh sống đầy đủ, không bị ngược đãi. Quá trình giải quyết vụ án cháu Trần Minh Ph cũng có nguyện vọng ở với mẹ. Do đó, nay Bà Triệu Thị Th yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, được ông Trần Văn Đ đồng ý, cần được chấp nhận.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án Bà Triệu Thị Thkhông yêu cầu ông Trần Văn Đ cấp dưỡng nuôi con, xét thấy hiện nay Bà Triệu Thị Th có thu nhập và đảm bảo điều kiện nuôi con, không yêu cầu ông Trần Văn Đ cấp dưỡng, cần được chấp nhận.

[7] Về tài sản chung, vay nợ chung: Hai bên đều trình bày không yêu cầu giải quyết về tài sản, không có nợ chung, do vậy Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[8] Về án phí: Bà Triệu Thị Th là nguyên đơn, cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế, xã hội đặc biệt khó khăn nhưng không có đơn xin miễn án phí nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 của Quốc Hội.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho Bà Triệu Thị Th được ly hôn ông Trần Văn Đ

2. Về con chung: Giao cháu Trần Minh Ph, sinh ngày 29/12/2012 cho Bà Triệu Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Trần Văn Đ không cần cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết, hai bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết; vay nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Bà Triệu Thị Th phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước. Xác nhận bà đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001264 ngày 04 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND KV3-Lạng Sơn;
- Phòng THADS KV3-Lạng Sơn;
- UBND xã Vũ Lễ, tỉnh L(Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu: HS + Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nông Thị Mỹ Phước